

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN SON TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: **16**/NQ-HĐND

Son Tây, ngày 14 tháng 11 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Tây về kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi  
**Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SON TÂY  
KHÓA VI - KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân



tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Căn cứ các Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Tây về kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Sơn Tây;

Xét Tờ trình số 64/TTr-UBND ngày 08/11/2024 của UBND huyện Sơn Tây về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Tây về kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Tây về kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (chi tiết có phụ biểu kèm theo).

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khóa VI, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua.

2. Những nội dung khác của các Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện không điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./

#### Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở: KH&ĐT, Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khoá VI;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã;
- Văn phòng huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Tùng



Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI  
 Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của HĐND huyện Sơn Tây)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án/ đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn năm 2024 đã giao tại NQ số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện			Kế hoạch vốn năm 2024 điều chỉnh, bổ sung			Tăng (+); Giảm (-)			Đầu mối giao kế hoạch/Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng vốn	Trong đó:		Tổng Vốn	Trong đó:		Tổng Vốn	Trong đó:		Tổng Vốn	Trong đó:			
						NSTW	NSDP		NSTW	NS tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh					
<b>TỔNG CỘNG</b>					36.042,15	31.341,00	4.701,15	34.578,62	31.444,22	3.134,40	15.339,15	13.923,50	1.415,65	15.339,150	13.923,500	1.415,650	0,000	0,000	0,000		
1	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc				36.042,15	31.341,00	4.701,15	34.578,62	31.444,22	3.134,40	15.339,15	13.923,50	1.415,65	15.339,150	13.923,500	1.415,650	0,000	0,000	0,000		
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN				36.042,15	31.341,00	4.701,15	34.578,62	31.444,22	3.134,40	15.339,15	13.923,50	1.415,65	15.339,150	13.923,500	1.415,650	0,000	0,000	0,000		
1	Công trình chuyên tiếp				9.204,60	8.004,00	1.200,60	8.907,92	8.107,22	800,70	4.558,95	4.145,50	413,45	3.972,287	3.685,741	286,546	-586,663	-459,759	-126,904		
01	Kênh mương cảnh đồng Ra Xách, thôn Đắk Panh	Xã Sơn Mầu	8042893	2023-2024	1.000,50	870,00	130,50	957,000	870,00	87,000	407,000	370,000	37,000	307,700	270,700	37,000	-99,300	-99,300		UBND xã Sơn Mầu	Công trình đã phê duyệt QTDHHT, hết nhiệm vụ chi
02	Xây dựng Đường BTXM xóm ông K Chết - ông Mũi, thôn Ka Năng	Xã Sơn Tinh	8033133	2023-2024	1.200,60	1.044,00	156,60	1.148,500	1.044,00	104,500	574,300	522,000	52,300	553,270	501,070	52,200	-21,030	-20,930	-0,100	UBND xã Sơn Tinh	Công trình đã phê duyệt QTDHHT, hết nhiệm vụ chi
03	Xây dựng Đường BTXM xóm ông Lô - ông Liên, thôn Nước Kia	Xã Sơn Tinh	8032956	2023-2024	1.200,60	1.044,00	156,60	1.148,500	1.044,00	104,500	574,300	522,000	52,300	558,760	506,460	52,300	-15,540	-15,540		UBND xã Sơn Tinh	Công trình đã phê duyệt QTDHHT, hết nhiệm vụ chi
04	Xây dựng Đường BTXM ĐH83 - ông Heo, thôn Xã Ruồng	Xã Sơn Tinh	8031711	2023-2024	1.200,60	1.044,00	156,60	1.251,722	1.147,22	104,500	574,300	522,000	52,300	393,394	341,094	52,300	-180,906	-180,906		UBND xã Sơn Tinh	Công trình đã phê duyệt QTDHHT, hết nhiệm vụ chi
05	Đường nội vùng KDC Ngọc Lân, thôn Tang Tong	Sơn Liên	8036151	2023-2024	1.500,75	1.305,00	195,75	1.435,500	1.305,00	130,500	749,750	682,500	67,250	745,148	682,500	62,648	-4,602	0,000	-4,602	UBND xã Sơn Liên	Công trình đã phê duyệt QTDHHT, hết nhiệm vụ chi
06	Đường vào xóm ông Minh, thôn Tang Tong	Sơn Liên	8038284	2023-2024	1.600,80	1.392,00	208,80	1.531,200	1.392,00	139,200	904,200	822,000	82,200	707,197	678,917	28,280	-197,003	-143,083	-53,920	UBND xã Sơn Liên	Công trình đã phê duyệt QTDHHT, hết nhiệm vụ chi
07	Nâng cấp mở rộng nhà Văn hóa thôn Tang Tong	Sơn Liên		2023-2024	1.500,75	1.305,00	195,75	1.435,500	1.305,00	130,500	775,100	705,000	70,100	706,818	705,000	1,818	-68,282	0,000	-68,282	UBND xã Sơn Liên	Công trình đã phê duyệt QTDHHT, hết nhiệm vụ chi
2	Công trình khởi công mới năm 2024				26.837,55	23.337,00	3.500,55	25.670,70	23.337,00	2.333,70	10.780,20	9.778,00	1.002,20	11.366,86	10.237,76	1.129,104	586,663	459,759	126,904		



STT	Dự án/ đơn vị thực hiện	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Thời gian KC-gian HT	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch vốn năm 2024 đã giao tại NQ số 24/NQ-HBND ngày 19/12/2023 của		Kế hoạch vốn năm 2024 điều chỉnh, bổ sung		Tăng (+); Giảm (-)		Dầu mới giao kế hoạch/Chưa	Ghi chú						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP	Tổng vốn	Tổng vốn	NSDP	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSDP	NSTW	NSDP			Tổng vốn	NSDP	NSTW	NSDP		
					Trong đó:				Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó									
					Tỉnh				Tỉnh Vĩnh		Tỉnh Vĩnh		Tỉnh Vĩnh		Tỉnh Vĩnh									
					Huyện				Huyện		Huyện		Huyện		Huyện									
01	Đường vào Khu dân cư MangTang	Xã Sơn Liên		2024-2025	1.500,75	1.305,00	195,75	1.435,500	1.305,000	130,500	717,750	1.435,500	1.305,000	130,500	717,750	652,500	65,250	1.435,500	1.305,000	130,500	65,250	UBND xã Sơn Liên		
02	Đường KDC Ngoc Len-Mang Rây	Xã Sơn Liên		2024-2025	3.001,50	2.610,000	391,500	2.871,000	2.610,000	261,000	550,000	500,000	50,000	2.296,083	2.035,083	261,000	1.746,083	1.535,083	211,000	100,854	DTXD&PTQĐ huyện	BQL DA huyện		
03	Nước Doi, thôn Mang Tà Bè	Xã Sơn Bua		2024-2025	2.201,10	1.914,00	287,10	2.105,400	1.914,000	191,400	502,700	457,000	1.098,554	952,000	146,554	595,854	495,000	100,854	DTXD&PTQĐ huyện	BQL DA huyện				
04	Đường điện Huy Ra Lung-A Rang	Xã Sơn Mưa		2024-2025	1.198,30	1.042,00	156,30	1.146,200	1.042,000	104,200	573,100	521,000	1.146,200	1.042,000	104,200	573,100	521,000	52,100	34,900	349,000	383,900	69,800	UBND xã Sơn Mưa	
05	Đường bê tông xi măng Ông Iên - Ra nang (nối dài)	Xã Sơn Mưa		2024-2025	802,70	698,00	104,70	767,800	698,000	69,800	383,900	349,000	767,800	698,000	69,800	383,900	349,000	34,900	349,000	383,900	69,800	UBND xã Sơn Mưa		
06	Đường bê tông xi măng Ra Len, Thôn Nước Mìn, xã Sơn Mưa	Xã Sơn Mưa		2024-2025	1.000,50	870,00	130,50	957,000	870,000	87,000	478,500	435,000	478,500	435,000	43,500	478,500	435,000	43,500	349,000	383,900	69,800	UBND xã Sơn Mưa		
07	Đường vào xóm ông Chot, Tập đoàn 5 (giải đoạn 2)	Xã Sơn Mưa		2024-2025	1.000,50	870,00	130,50	957,000	870,000	87,000	478,500	435,000	478,500	435,000	43,500	478,500	435,000	43,500	349,000	383,900	69,800	UBND xã Sơn Mưa		
08	Đường bê tông xi măng Huy Ra Lung - Nước A Rang (giải đoạn 2)	Xã Sơn Mưa		2024-2025	1.000,50	870,00	130,50	957,000	870,000	87,000	478,500	435,000	478,500	435,000	43,500	478,500	435,000	43,500	349,000	383,900	69,800	UBND xã Sơn Mưa		
09	Đường bê tông xi măng Ngoc Rang - Mang Ha Enh ( giải đoạn 2)	Xã Sơn Mưa		2024-2025	1.000,50	870,00	130,50	957,000	870,000	87,000	478,500	435,000	478,500	435,000	43,500	478,500	435,000	43,500	349,000	383,900	69,800	UBND xã Sơn Mưa		
10	Đường BTXM KDC Ngoc Rang	Xã Sơn Tân		2024-2025	1.124,70	978,00	146,70	1.075,800	978,000	97,800	-	1.075,800	978,000	97,800	-	1.075,800	978,000	97,800	978,000	978,000	97,800	UBND xã Sơn Tân		
11	Đường vào khu sản xuất nước Rang, thôn Bải Mầu	Xã Sơn Tân		2024-2025	1.006,25	875,00	131,25	962,500	875,000	87,500	481,250	437,500	481,250	437,500	43,750	481,250	437,500	43,750	437,500	437,500	43,750	UBND xã Sơn Tân		
12	Năng cấp Trạm biến áp và đường dây điện sinh hoạt tại khu dân cư Dãk Leo, thôn Tã Đô	Xã Sơn Tân		2024-2025	983,25	855,00	128,25	940,500	855,000	85,500	470,250	427,500	470,250	427,500	42,750	470,250	427,500	42,750	427,500	427,500	42,750	UBND xã Sơn Tân		
13	Nhà sinh hoạt cộng đồng đình Canh, đình cư tập trung Tã Đô	Xã Sơn Tân		2024-2025	1.000,50	870,00	130,50	957,000	870,000	87,000	478,500	435,000	478,500	435,000	43,500	478,500	435,000	43,500	435,000	435,000	43,500	UBND xã Sơn Tân		
14	Đường vào khu sản xuất Mang Kia, thôn Bải Mầu	Xã Sơn Tân		2024-2025	1.006,25	875,00	131,25	962,500	875,000	87,500	481,250	437,500	481,250	437,500	43,750	481,250	437,500	43,750	437,500	437,500	43,750	UBND xã Sơn Tân		
15	Nội tiếp đường vào khu dân cư Lách, thôn Tã Đô	Xã Sơn Tân		2024-2025	1.006,25	875,00	131,25	962,500	875,000	87,500	481,250	437,500	481,250	437,500	43,750	481,250	437,500	43,750	437,500	437,500	43,750	UBND xã Sơn Tân		
16	Công trình Trường TH&THCS Sơn Tinh, Hàng mục: Xây mới 06 phòng học	Xã Sơn Tinh		2024-2025	3.001,50	2.610,00	391,50	2.871,000	2.610,000	261,000	1.353,750	1.208,500	1.452,250	1.208,500	145,250	1.487,676	1.632,926	1.487,676	145,250	1.487,676	1.632,926	145,250	DTXD&PTQĐ huyện	BQL DA huyện
17	BTXM đường TSD di nhà Văn hóa thôn Ra Pán	Xã Sơn Long		2024-2025	1.000,50	870,00	130,50	957,000	870,000	87,000	478,500	435,000	478,500	435,000	43,500	478,500	435,000	43,500	435,000	435,000	43,500	UBND xã Sơn Long		
18	Năng cấp đường từ UBND xã di A Nhoi 2	Xã Sơn Long		2024-2025	1.000,50	870,00	130,50	957,000	870,000	87,000	478,500	435,000	478,500	435,000	43,500	478,500	435,000	43,500	435,000	435,000	43,500	UBND xã Sơn Long		
19	BTXM đường từ Máng Lãng di Nước Dóp	Xã Sơn Long		2024-2025	1.000,50	870,00	130,50	957,000	870,000	87,000	478,500	435,000	478,500	435,000	43,500	478,500	435,000	43,500	435,000	435,000	43,500	UBND xã Sơn Long		
20	BTXM nhà ông Mo di xóm ông Đem	Xã Sơn Long		2024-2025	1.000,50	870,00	130,50	957,000	870,000	87,000	478,500	435,000	478,500	435,000	43,500	478,500	435,000	43,500	435,000	435,000	43,500	UBND xã Sơn Long		
21	BTXM xóm Ông Trôi di ông Gung	Xã Sơn Long		2024-2025	1.000,50	870,00	130,50	957,000	870,000	87,000	478,500	435,000	478,500	435,000	43,500	478,500	435,000	43,500	435,000	435,000	43,500	UBND xã Sơn Long		